TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2017/HSST
Ngày: 22 - 11 - 2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Doãn Văn Tuyến.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Bảy.
Ông Nguyễn Hữu Mạnh

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đặng Thị Dung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông* Nguyễn Phượng Khá - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 82/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. **Hoàng Thanh X,** sinh năm 1986 tại xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú và ĐKHKTT: Cụm 4, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; con ông Hoàng Quốc Tvà bà Đặng Thị V; có vợ (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2009; tiền án: Ngày 18/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự, đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 27/12/2016; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 30/11/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; danh bản, chỉ bản số 148 do Công an huyện Đan Phượng lập ngày 20/6/2017; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2017 đến nay; bị cáo có mặt.

2. **Nguyễn Ngọc T,** sinh năm 1984 tại xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú và ĐKHKTT: Cụm 4, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; con ông Nguyễn Ngọc T (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; có vợ và có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 149 do

Công an huyện Đan Phượng lập ngày 20/6/2017; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2017 đến nay; bị cáo có mặt.

3. **Nguyễn Văn T1,** sinh năm 1994 tại xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú và ĐKHKTT: Cụm 4, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị L; có vợ và có 01 con sinh tháng 2/2017; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 151 do Công an huyện Đan Phượng lập ngày 20/6/2017; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2017 đến nay; bị cáo có mặt.

4. **Phạm Văn T,** sinh năm 1991 tại huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú và ĐKHKTT: Thôn Hạ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; con ông Phạm Văn K và bà Lưu Thị D; có vợ và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; danh bản, chỉ bản số 150 do Công an huyện Đan Phượng lập ngày 20/6/2017; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2017 đến nay; bị cáo có mặt.

5. **Nguyễn Công L,** sinh năm 1990 tại xã Liên Trung, huyện Đ, thành phố Hà Nội; nơi cư trú và ĐKHKTT: Cụm 2, xã Liên Trung, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; con ông Nguyễn Công L và bà Vũ Thị T; có vợ và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 16/3/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; danh bản, chỉ bản số 147 do Công an huyện Đan Phượng lập ngày 20/6/2017; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2017 đến nay; bị cáo có mặt.

- *Người bị hại:*

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Anh Đinh Văn D, sinh năm 1990; địa chỉ: Cụm 5, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3. Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

4. Anh Hoàng Kim T, sinh năm 1989; địa chỉ: Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

5. Anh Đỗ Đình B, sinh năm 1987; địa chỉ: Cụm 2, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

6. Anh Phạm Như H, sinh năm 1989; địa chỉ: Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

7. Anh Phạm Tiến D, sinh năm 1988; địa chỉ: Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

8. Anh Phạm Tú A, sinh năm 1992; địa chỉ: Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

9. Anh Phạm Văn C, sinh năm 1991; địa chỉ: Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Tạ Ngọc H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 165 Nguyễn Thái Học, thị trấn Phùng, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Phúc Hà, xã T, huyện S, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NHẬN THẤY:

- Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 15/6/2017, sau khi ăn tối ở nhà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984 ở Cụm 4, xã L xong Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994 ở Cụm 4, xã H; Nguyễn Công L, sinh năm 1990 ở Cụm 2, xã Liên Trung; Hoàng Thanh X, sinh năm 1986 và Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984 ở Cụm 4, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Phạm Văn T, sinh năm 1991 ở Thôn Hạ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng rủ nhau và thuê Taxi đến xã H, huyện Đ để đánh bạc.

Khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, một mình Nguyễn Văn T1 vào nhà anh Phạm Tiến D, sinh năm 1988 ở Cụm 3, xã H đánh bạc cùng với Phạm Văn T, sinh năm 1991; Phạm Văn Q, sinh năm 1991; Hoàng Kim T, sinh năm 1989; Đỗ Đình B, sinh năm 1987; Phạm Như H, sinh năm 1989; Phạm Tú A, sinh năm 1992; Phạm Văn C, sinh năm 1991 cùng ở Cụm 3, xã H và Đinh Văn D, sinh năm 1990 ở Cụm 5, xã H. Còn lại Ngọc T, T, X và L ở trên đê đợi. Khi đi đánh bạc Tần mang theo 160.000đ, Q mang theo 600.000đ, T1 mang theo 800.000đ, B mang theo 140.000đ, H mang theo 800.000đ, Anh mang theo 100.000đ, C mang theo 900.000đ, Dung mang theo 210.000đ, Nguyễn Văn T1 mang theo 200.000đ. Hình thức đánh xóc đĩa, Hoàng Kim T là người xóc cái.

Sau khi đánh bạc bị thua hết 200.000đ, lúc này vào khoảng 0h 30 phút ngày 16/6/2017, Nguyễn Văn T1 đi ra ngoài đê nói với Ngọc T, T, L và X là các đối tượng chơi bạc bịp và bảo Ngọc T, T, X, L vào nhà anh D giả là công an để cướp tiền và điện thoại, cả bọn đồng ý. Nguyễn Văn T1 đưa và chỉ nhà anh D cho các đối tượng trên, vì sợ bị phát hiện nên Tuấn không vào mà bỏ đi đến quán Internet chơi điện tử còn T, L, Ngọc T và X trèo qua tường vào nhà anh D. Thấy có tiếng động các đối tượng đánh bạc tắt điện, L và các đối tượng đứng ngoài cửa nói Công an đây mở cửa ra, sau đó có người bật điện sáng và anh D chủ nhà mở của thì T, Ngọc T, X vào bắt mọi người nằm xuống yêu cầu bỏ tiền và điện thoại ra, còn L sợ bị lộ nên đứng ở ngoài hiên không vào trong nhà.

Nguyễn Ngọc T nói thằng nào chạy tao đánh chết, X nhặt chiếc chổi chít đánh vào mông anh Phạm Tiến D và Hoàng Kim T mỗi người 1 cái, còn T đấm 01 cái vào mặt anh Q. Mọi người bỏ tiền và điện thoại ra thì X nhặt được 2.300.000đ và 10 chiếc điện thoại (gồm của anh Tần 01 điện thoại loại Nokia 1280, anh Dung 01 chiếc điện thoại Iphone 6, anh Q 01 chiếc điện thoại Iphone 5, anh T1 01 điện thoại loại Nokia 1280, anh B 01 chiếc điện thoại Iphone 6 và 01 điện thoại loại Nokia 1280, anh H 01 điện thoại loại Nokia 1280, anh D 01 chiếc điện thoại loại OPPO, anh Tú A 01 chiếc điên thoại loại Iphone 5, anh C 01 chiếc điện thoại loại Iphone 7). Sau đó, Nguyễn Ngọc T bắt mọi người đi vào trong buồng nhà anh D rồi cả 4 đối tượng trên bỏ chạy ra xe Taxi đi về nhà Nguyễn Ngọc T ở xã L, rồi đi đến thị trấn Phùng thuê nhà nghỉ Hồng Nhung để nghỉ. Sau đó, L quay lại đón Nguyễn Văn T1 đến nhà nghỉ Hồng Nhung. Đến trưa ngày 16/6/2017, Nguyễn Ngọc T đem 2 chiếc điện thoại (01 chiếc Iphon 5 và 01 chiếc OPPO) đến của hàng điện thoại ở số 165 Nguyễn Thái Học, thị trấn Phùng bán cho anh Tạ Ngọc H, sinh năm 1983 là chủ cửa hàng quê ở Cổ Ngõa, xã Phương Đình được 1.560.000đ. Đến chiều cùng ngày thì T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc T và X đến huyện S bán cho anh Phạm Văn N, sinh năm 1985 quê ở Phúc Hà, xã T, huyện S 04 chiếc điện thoại (gồm: 01 chiếc Iphone 7, 02 chiếc Iphone 6 và 01 chiếc Iphone 5) được 8.300.000đ, còn lại T cầm 3 chiếc điện thoại loại Nokia 1280, Nguyễn Văn T1 cầm 01 chiếc điện thoại Nokia 1280. Chiều ngày 17/6/2017, L đến Công an huyện Đan Phượng đầu thú và trình bày nội dung sự việc.

Về vật chứng đã thu giữ: Công an huyện Đan Phượng đã thu được 10 chiếc điện thoại do Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T, Tạ Ngọc H, Phạm Văn N nộp lại. Số tiền 2.300.000đ cướp được X chi tiêu chung gồm chi trả tiền nhà nghỉ, tiền Taxi, tiền ăn uống hết 1.700.000đ, còn lại 600.000đ đã nộp lại cho cơ quan điều tra. Số tiền Nguyễn Ngọc T bán 06 chiếc điện thoại được 9.900.000đ, Tuấn chi tiêu chung như trả tiền Taxi, tiền ăn hết 2.480.000đ, còn lại 6.420.000đ đã nộp lại cho cơ quan điều tra. Anh D chủ nhà đã nộp lại cho cơ quan điều tra Công an huyện Đan Phượng 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 Q xóc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐ ngày 13/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đan Phượng, kết luận: 01 chiếc Iphone 6 màu xám trị giá 4.500.000đ, 01 chiếc Nokia 1280 màu đen trị giá 150.000đ, 01 chiếc Iphone 7 trị giá 11.500.000đ, 01 chiếc Nokia 1280 màu xanh đen trị giá 150.000đ, 01 chiếc Iphone 6 màu vàng trị giá 500.000đ, 01 chiếc OPPO trị giá 600.000đ, 01 chiếc I phone 5 trị giá 1.900.000đ, 01 chiếc Nokia 1280 màu xám trị giá 150.000đ, 01 chiếc I phone 5 màu đen trị giá 1.400.000đ và 01 chiếc Nokia 1280 màu xám trị giá 150.000đ. Tổng số tiền là 21.000.000đ.

Bản cáo trạng số 80/CT-VKS ngày 06 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Hoàng Thanh X về tội Cướp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T và Nguyễn Công L về tội Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa trình bày lời luận tội giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố các bị cáo về tội "Cướp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 133, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 20 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thanh X từ 7 năm 6 tháng tù đến 8 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T và Nguyễn Công L (áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Công L), đề nghị xử phạt Nguyễn Ngọc T từ 3 năm 9 tháng tù đến 4 năm tù, Nguyễn Văn T1 từ 3 năm 3 tháng tù đến 3 năm 6 tháng tù, Phạm Văn T từ 3 năm 9 tháng tù đến 4 năm tù, Nguyễn Công L từ 3 năm 9 tháng tù đến 4 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để giải quyết bồi thường dân sự và xử lý vật chứng: Những người bị hại đã được trả lại tài sản bị chiếm đoạt là điện thoại, không có yêu cầu gì nên không phải xem xét. Buộc bị cáo Hoàng Thanh X, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1 và Phạm Văn T phải trả anh Phạm Văn N số tiền 3.440.000 đồng, phần mỗi bị cáo là 860.000 đồng.

Trả lại cho anh Tạ Ngọc H số tiền 1.560.000 đồng trong số tiền thu giữ; trả lại anh Phạm Văn N số tiền còn lại là 4.860.000 đồng trong số tiền thu giữ.

Tịch thu sung quĩ nhà nước số tiền 600.000 đồng thu giữ. Buộc cáo bị cáo Hoàng Thanh X, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T và Nguyễn Công L phải nộp số tiền 1.700.000 đồng để sung quĩ nhà nước, trong đó mỗi bị cáo phải nộp là 340.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ và 04 Q xóc.

- Các bị cáo tại phiên tòa đều thành khẩn khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát.

- Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra về sự việc và đã được trả lại tài sản là điện thoại di động, không yêu cầu gì về dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận thực hiện hành vi như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội đã truy tố đối với các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng lời khai của những người bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Khoảng 23 giờ ngày 15/6/2017 sau khi ăn tối ở nhà Nguyễn Ngọc T ở Cụm 4, xã L xong thì Nguyễn Văn T1 rủ Nguyễn Công L, Hoàng Thanh X, Nguyễn Ngọc T và Phạm Văn T thuê Taxi đến xã H, huyện Đan Phượng để đánh bạc.

Khi đến nơi, một mình Nguyễn Văn T1 vào nhà anh Phạm Tiến D ở Cụm 3, xã H đánh bạc cùng với Phạm Văn T, Phạm Văn Q, Hoàng Kim T, Đỗ Đình B, Phạm Như H, Phạm Tú A, Phạm Văn C cùng ở Cụm 3, xã H và Đinh Văn D ở Cụm 5, xã H. Còn lại Ngọc T, T, X và L ở trên đê đợi. Sau khi đánh bạc bị thua hết 200.000đ, lúc này vào khoảng 0h 30 phút ngày 16/6/2017, Nguyễn Văn T1 đi ra ngoài đê nói với Ngọc T, T, L và X là các đối tượng chơi bạc bịp và bảo Ngọc T, T, X, L vào nhà anh D giả là công an để cướp tiền và điện thoại, cả bọn đồng ý. Nguyễn Văn T1 đưa và chỉ nhà anh D cho các đối tượng trên, vì sợ bị phát hiện nên Tuấn không vào mà bỏ đi đến quán Internet chơi điện tử còn T, L, Ngọc T và X trèo qua tường vào nhà anh D. Sau đó, L và các đối tượng nói Công an đây mở cửa ra, khi cửa mở thì T, Nguyễn Ngọc T, X vào bắt mọi người nằm xuống yêu cầu bỏ tiền và điện thoại ra nền nhà. Nguyễn Ngọc T nói thằng nào chạy tao đánh chết, X nhặt chiếc chổi chít đánh vào mông anh D và anh T1 mỗi người 1 cái, còn T đấm 01 cái vào mặt anh Q. Mọi người bỏ tiền và điện thoại ra thì X nhặt được 2.300.000đ và 10 chiếc điện thoại tổng trị giá 21.000.000đ (của anh Tần, anh Dung, anh Q, anh T1, anh B, anh H, anh D, anh Tú A, anh C). Tổng tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 23.300.000 đồng.

Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T, Nguyễn Công L đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Hoàng Thanh X, năm 2012 đã bị Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm (nay là Q Bắc Từ Liêm), Thành phố Hà Nội xử phạt 7 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy là tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự. Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội truy tố về tội danh và viện dẫn điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây nên sự hoang mang lo lắng trong nhân dân. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, tuy nhiên cần đánh giá vai trò của các bị cáo để quyết định hình phạt phù hợp.

Trong vụ án, bị cáo Hoàng Thanh X là người trực tiếp thực hiện hành vi, cũng như việc bán tài sản chiếm đoạt được của những người bị hại; bản thân đã có tiền án chưa được xóa án nay lại tiếp tục phạm tội. Về nhân thân đã bị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội vào ngày 30/11/2007 và xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Như vậy, thể hiện nhân thân bị cáo là rất xấu, đã nhiều lần bị Tòa án xét xử nhưng không cải tạo, sửa chữa mà ngày càng đi sâu vào con đường phạm tội. Bị cáo Nguyễn Ngọc T là người trực tiếp, tích cực trong việc thực hiện hành vi, việc bán tài sản chiếm đoạt được; bị cáo Nguyễn Văn T1 là người khởi xướng và rủ các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò đồng phạm. Bị cáo Nguyễn Công L về nhân thân ngày 16/3/2011 đã bị Tòa án nhân dân

huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo điểm d, khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự, đến ngày 26/12/2013 đã chấp hành xong hình phạt chính và đã nộp xong tiền án phí theo quyết định của bản án. Do đó, căn cứ Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội về thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội và Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 thì đến nay bị cáo Nguyễn Công L đương nhiên được xóa án tích. Tuy nhiên, điều đó cũng thể hiện bị cáo L là người có nhân thân xấu. Bị cáo Phạm Văn T là người cùng trực tiếp thực hiện hành vi và có vai trò đồng phạm. Đối với các bị cáo cần phải có hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Các bị cáo Hoàng Thanh X, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc T, Phạm Văn T và Nguyễn Công L đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự qui định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có tình tiết, đó là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1 và Phạm Văn T là người phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Nguyễn Công L sau khi phạm tội đã đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình và đồng bọn; bị cáo Nguyễn Văn T1 đã có thời gian tham gia phục vụ trong Q đội, nên áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc T, Phạm Văn T và Nguyễn Công L. Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là những người lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo qui định tại khoản 5 Điều 133 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi gá bạc của Phạm Tiến D và hành vi đánh bạc của Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T, Phạm Văn Q, Hoàng Kim T, Đỗ Đình B, Phạm Như H, Phạm Tú A, Phạm Văn C và Đinh Văn D do chưa đủ các yếu tố cấu thành tội phạm nên ngày 30/9/2017 Công an huyện Đan Phượng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Anh Phạm Văn N và anh Tạ Ngọc H là những người đã mua điện thoại do Nguyễn Ngọc T, Hoàng Thanh X và các bị cáo khác do phạm tội, tuy nhiên khi mua những chiếc điện thoại này thì anh Như, anh Hiệp đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý về hình sự.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Công an huyện Đan Phượng đã thu được 10 chiếc điện thoại do Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T, anh Tạ Ngọc H và anh Phạm Văn N nộp lại. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho các bị hại gồm: Anh Tần 01 điện thoại loại Nokia 1280, anh Dung 01 chiếc điện thoại Iphone 6, anh Q 01 chiếc điện thoại Iphone 5, anh T1 01 điện thoại loại Nokia 1280, anh B 01 chiếc điện thoại Iphone 6 và 01 điện thoại loại Nokia 1280, anh H 01 điện thoại loại Nokia 1280, anh D 01 chiếc điện

thoại loại OPPO, anh Tú A 01 chiếc điên thoại loại Iphone 5 và anh C 01 chiếc điện thoại loại Iphone. Những người bị hại nêu trên đều không yêu cầu gì về việc bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

Anh Tạ Ngọc H yêu cầu người bán điện thoại cho mình là Nguyễn Ngọc T bồi thường trả số 1.600.000 đồng, tuy nhiên trong số tiền mà anh Hiệp yêu cầu trên thì theo Nguyễn Ngọc T khai có 40.000 đồng tiền công anh Hiệp chạy lại phần mềm của điện thoại cho Nguyễn Ngọc T. Vì vậy, xác định số tiền thực tế mà Nguyễn Ngọc T nhận của anh Hiệp chỉ là 1.560.000 đồng. Toàn bộ số tiền này Tuấn và đồng bọn đã chi tiêu chung cho việc trả tiền nhà nghỉ, tiền ăn… đã hết nên buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T và các bị cáo Nguyễn Văn T1, Hoàng Thanh X, Phạm Văn T và Nguyễn Công L phải liên đới hoàn trả cho anh Tạ Ngọc H số tiền 1.560.000 đồng.

Quá trình điều tra, anh Phạm Văn N không yêu cầu bị cáo Hoàng Thanh X và đồng bọn bồi thường số tiền mua bán 04 chiếc điện thoại cho mình là 8.300.000 đồng. Tại phiên tòa, anh Như đề nghị được trả lại số tiền các bị cáo đã nộp lại và bồi thường dân sự số tiền đã chi tiêu trong khoản tiền X đã nhận của anh Như. Tại phiên tòa, trên cơ sở lời khai của Nguyễn Ngọc T, Hoàng Thanh X và các bị cáo khác thì xác định số tiền 8.300.000 đồng mà Hoàng Thanh X nhận của anh Như, sau đó X đưa cho Nguyễn Ngọc T chi tiêu cho cả bọn hết 1.880.000 đồng, còn lại 6.420.000 đồng khi bị bắt giữ Nguyễn Ngọc T đã nộp lại cho cơ quan điều tra. Như vậy, số tiền trên có nguồn gốc từ tiền các bị cáo nhận của anh Phạm Văn N nên trả lại cho anh Như 6.420.000 đồng đã thu giữ. Còn lại buộc Hoàng Thanh X, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1 và Phạm Văn T phải bồi thường trả cho anh Như số tiền đã chi tiêu chung là 1.880.000 đồng.

Số tiền 2.300.000 đồng các bị cáo cướp được tại đám đánh bạc, Hoàng Thanh X chi tiêu chung cho cả bọn hết 1.700.000đ, còn lại 600.000đ đã nộp lại cho cơ quan điều tra. Nay cần buộc các bị cáo Hoàng Thanh X, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T và Phạm Công L nộp số tiền 1.700.000 đồng để sung quĩ Nhà nước. Còn lại 600.000 đồng thu giữ cần tịch thu để sung quĩ Nhà nước.

Vật chứng là 01 chiếc bát sứ và 01 chiếc đĩa sứ, 04 Q xóc (Q bài) cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Thanh X, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T và Nguyễn Công L phạm tội "Cướp tài sản".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thanh X 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo X bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 17/6/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Tuấn bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 17/6/2017.

3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 39 (Ba mươi chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Tuấn bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 17/6/2017.

4. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công L 37 (Ba mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo L bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 17/6/2017.

5. Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo T bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 17/6/2017.

- Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã được trả lại tài sản và không yêu cầu gì về việc bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

Buộc các bị cáo Hoàng Thanh X, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T và Nguyễn Công L phải liên đới bồi thường trả cho anh Tạ Ngọc H số tiền 1.560.000 đồng. Phần trách nhiệm bồi thường của mỗi bị cáo là 312.000 đồng (Ba trăm mười hai nghìn đồng).

Buộc các bị cáo Hoàng Thanh X, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1 và Phạm Văn T phải liên đới bồi thường trả cho anh Phạm Văn N số tiền 1.880.000 đồng. Phần trách nhiệm bồi thường của mỗi bị cáo là 470.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Buộc các bị cáo Hoàng Thanh X, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn T và Nguyễn Công L phải nộp lại số tiền số tiền 1.700.000 đồng để sung quĩ Nhà nước. Phần trách nhiệm của mỗi bị cáo là 340.000 đồng (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ Xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Phạm Văn N số tiền 6.420.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) đã thu giữ.

Tịch thu sung quĩ Nhà nước số tiền đã thu giữ còn lại là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bát sứ và 01 chiếc đĩa sứ, 04 Q xóc (Q bài). (Số tiền được lưu giữ trong tài khoản theo giấy nộp tiền vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng ngày 06/11/2017 tại Kho bạc Nhà nước huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng quản lý theo B bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Đan Phượng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội ngày 07/11/2017).

- Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo,

mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Căn cứ Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Công an huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Các bị cáo……...….;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Doãn Văn Tuyến